TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng T;
2. Ông Châu Đông D;

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H *tham gia phiên toà:*
Ông: Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T2, sinh năm 1984;
Chỗ ở hiện nay: (Không có số nhà) thuộc ấp Thạnh 2, xã Long Điền, huyện H, tỉnh B
Đăng ký thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện H, tỉnh B
Bị đơn: Anh Phạm Văn N2, sinh năm 1982;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp D, xã Đ, huyện H, tỉnh B.
(chị T2, anh N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Trần Thị T2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị tự nguyện yêu T2 và chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị xác định trong thời gian chung sống anh N2 thường xuyên bạo lực với chị, chị có trình bày với chính quyền địa phương và được gia đình can ngăn, nhưng anh N2 vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân 06 năm nay, nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh N2.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Thì Trang, sinh ngày 07/5/2005, hiện đang sống với anh N2 và Phạm Hồng Thì, sinh ngày 02/12/2006, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Trường hợp nếu hai con chung đều có nguyện vọng sống với chị thì chị yêu cầu anh N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Phạm Thị Trang. Trường hợp chỉ một người con sống với chị thì chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2018 anh Phạm Văn N2 thống nhất với lời trình bày của chị T2 về quan hệ hôn nhân. Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị T2 thường bỏ nhà đi, không chăm lo gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân 06 năm nay. Nay chị T2 yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý vì tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T2, vợ chồng có hai con chung tên em Phạm Thì Trang hiện đang sống với anh và Phạm Hồng Thì hiện đang sống với chị T2. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi Phạm Thì Trang, đồng ý giao Phạm Hồng Thì cho chị T2 nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T2 và anh Phạm Văn N2.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thì Trang, sinh ngày 07/5/2005 cho anh Phạm Văn N2, giao Phạm Hồng Thì, sinh ngày 02/12/2006 cho chị Trần Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện em Trang đang sống với anh N2, em Thì đang sống với chị T2 được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị T2 phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T2 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn N2 có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Chị Trần Thị T2 và anh Phạm Văn N2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện yêu T2 nhau, nhưng trong thời gian chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân 06 năm cũng không tìm được biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Đồng thời chị T2 và anh N2 đều xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn ,thống nhất thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Về con chung: Chị T2 xác định con sống với ai Thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh N2 yêu cầu được nuôi Phạm Thị Trang và đồng ý giao Phạm Hồng Thì cho chị T2 nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2018 Phạm Thị Trang có nguyện vọng được sống với anh N2; tại biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2018 Phạm Hồng Thì có nguyện vọng được sống với chị T2. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự, giao Phạm Thị Trang cho anh N2, Phạm Hồng Thì cho chị T2 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Trần Thị T2 và anh Phạm Văn N2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Thị T2 phải nộp số tiền 300.000đ, chị T2 đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011027 ngày 19/3/2018 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82,83, 84, Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T2 và anh Phạm Văn N2.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thì T3, sinh ngày 07/5/2005 cho anh Phạm Văn N2, giao Phạm Hồng Thì, sinh ngày 02/12/2006 cho chị Trần Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện em T3 đang sống với anh N2, em Thì đang sống với chị T2 được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Chị Trần Thị T2 và anh Phạm Văn N2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Trần Thị T2 phải nộp số tiền 300.000đ, chị T2 đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011027 ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị N. Y